TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HOÀ
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 120/2017/HSST
Ngày: 28-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Bạo – Trưởng phòng, Phòng Tổ chức hành chính Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu Nghĩa.

Bà Trương Thị Kim Cương – Phó Trưởng phòng, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đức Hòa.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Mẫn, Kiểm sát viên*;*

Ngày 28/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 120/2017/HSST ngày 15/9/2017 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ và tên cha: Nguyễn Văn P, sinh năm 1966 (còn sống); Họ và tên mẹ: Mai Thị H, sinh năm 1953 (còn sống); Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị D, sinh năm 1988 và 02 con nhỏ: lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh ngày 20/5/2017; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017, đến ngày 14/7/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên Tòa)

2. **Nguyễn Thị Thu G**, sinh năm: 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M 1, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: Ấp M 1, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Họ và tên cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 1954 (còn sống); Họ và tên mẹ: Mai Thị H, sinh năm 1954 (còn sống); Bị cáo có 01 con, sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017, đến ngày 14/7/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên Tòa)

3. **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ và tên cha: Nguyễn Văn M (đã chết); Họ và tên mẹ: Trần Thị C, sinh năm: 1952 (còn sống); Bị cáo có chồng tên Lê Bách V, sinh năm 1981 (chồng sau); Bị cáo có 08 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017, đến ngày 14/7/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên Tòa)

4. **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm: 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Họ và tên cha: Nguyễn Văn M (đã chết); Họ và tên mẹ: Trần Thị C, sinh năm 1952 (còn sống); Bị cáo đã cưới và sống chung với chị Nguyễn Thị L từ năm 2015 nhưng chưa đăng ký kết hôn, chưa có con chung; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017, đến ngày 14/7/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên Tòa)

5. **Mai Thanh L,** sinh năm: 1972.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: Ấp M 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Họ và tên cha: Mai Văn L, sinh năm 1947 (chết); Họ và tên mẹ: Huỳnh Thị L *(tên gọi khác là Bùi Thị C)*, sinh năm 1949 (chết); Bị cáo hiện đang sống cùng chồng tên Đặng Văn T, sinh năm 1955; Bị cáo có 07 người con: lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017 đến ngày 14/7/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên Tòa)

6. **Đoàn Thị M**, sinh năm: 1962.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: Ấp M 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm mướn; Họ và tên cha: Đoàn Văn N, sinh năm 1933 (chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị A, sinh năm 1949 (chết); Bị cáo có chồng tên Trương Văn S (tên gọi khác là M) (chết) và có 03 người con: lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017, đến ngày 14/7/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên Tòa)

7. **Nguyễn Thị H1**, sinh năm: 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: Ấp M 2, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Họ và tên cha: Không xác

định; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1942 (chết); Bị cáo có chồng tên Đặng Văn V, sinh năm 1972 và có 02 người con: lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017, đến ngày 14/7/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên Tòa)

8. **Nguyễn Thị Thùy A**, sinh năm: 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Họ và tên cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1953 (chết); Họ và tên mẹ: Phạm Thị Thu N, sinh năm 1956 (chết); Bị cáo có chồng tên Nguyễn Phát Đ, sinh năm 1981 và có 01 người con, sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017, đến ngày 14/7/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên Tòa)

9. **Trần Trung D**, sinh năm: 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M 1, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: Ấp M 1, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Họ và tên cha: Trần Trung K, sinh năm 1954 (còn sống); Họ và tên mẹ: Mai Thị A, sinh năm 1958 (còn sống); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017, đến ngày 14/7/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên Tòa)

10. **Trần Thị Mỹ N**, sinh năm: 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số X, đường số 60, tổ 4, ấp X, xã T, huyện C, thành phố H; Chỗ ở hiện nay: Số X, đường số 60, tổ 4, ấp X, xã T, huyện C, thành phố H; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Họ và tên cha: Trần Văn X, sinh năm 1953 (còn sống); Họ và tên mẹ: Cái Thị M, sinh năm 1954 (còn sống); Bị cáo có chồng tên Nguyễn Ty T, sinh năm 1978 và 02 người con: lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2017 đến ngày 14/7/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên Tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đoàn Long H, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

2. Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D và

Trần Thị Mỹ N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 06/6/2017, tại ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh L, Nguyễn Văn T có hành vi sử dụng địa điểm nhà của T để cho các đối tượng đánh bài cào ăn thua bằng tiền, nhằm mục đích thu tiền xâu. T thu tiền xâu được số tiền 300.000 đồng. Những người tham gia đánh bạc và đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, bao gồm: Nguyễn Thị Thu G, thua bài 2.078.000 đồng; Nguyễn Thị H, thua bài 800.000 đồng; Nguyễn Hoàng A, ăn bài 200.000 đồng; Mai Thanh L, thua bài 300.000 đồng; Đoàn Thị M, thua 150.000 đồng; Nguyễn Thị H1, ăn bài 600.000 đồng; Nguyễn Thị Thùy A, ăn bài 200.000 đồng; Trần Trung D, ăn bài 700.000 đồng; Trần Thị Mỹ N, thua bài 50.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ ngày 06/6/2017, bị Công an huyện Đức Hòa bắt quả tang.

Quá trình điều tra các đối tượng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

- Nguyễn Văn T khai: Ngày 06/6/2017, T dùng nhà của mình cho các đối tượng đánh bài cào ăn thua bằng tiền, cụ thể gồm: G làm cái 04 ván, đưa tiền xâu cho Tuyển là 50.000 đồng; Trần Trung D làm cái 05 ván, đưa tiền xâu cho T là 100.000 đồng; G và H1 hùn làm cái đưa tiền xâu cho T là 150.000 đồng. Tổng cộng là 300.000 đồng.

- Nguyễn Thị Thu G khai: Ngày 06/6/2017, G đến nhà Nguyễn Văn T, mang theo số tiền 2.600.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc, làm cái chia bài 04 ván, đưa tiền xâu cho Nguyễn Văn T là 50.000 đồng. Sau đó đưa bài cho Trần Trung D làm cái 04 ván, D đưa bài lại cho G hùn với Nguyễn Thị H1 làm cái được 08 ván, kết quả thua. Đến khi đang chia bài thì bị Công an bắt quả tang và tạm giữ trên người của G số tiền 472.000 đồng.

- Nguyễn Thị H khai: Ngày 06/6/2017, H đến nhà Nguyễn Văn T, có mang theo số tiền 2.000.000 đồng, H lấy ra 1.000.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc, còn lại 1.000.000 đồng để dành mua thuốc uống, G làm cái 05 ván, thu được 800.000 đồng, đưa tiền xâu cho T là 50.000 đồng. Sau đó tham gia ngồi đặt tụ 100.000 đồng chưa thắng thua thì bị Công an bắt quả tang và tạm giữ trên người G số tiền 1.150.000 đồng.

- Nguyễn Thị H1 khai: Ngày 06/6/2017, H1 đến nhà của Nguyễn Văn T, có mang theo số tiền 800.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc, H1 hùn với Đoàn Thị M tham gia đặt tụ 05 ván bài, mỗi ván đặt 100.000 đồng, thua 200.000 đồng. Sau đó H1 hùn với G làm cái chia bài cho khoảng 08 tụ bài, mỗi tụ đặt 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Kết quả H1 thắng bài được 600.000 đồng. Đến khi đang chia bài chưa thắng thua thì bị Công an bắt quả tang và tạm giữ trên người H1 số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại di động.

- Nguyễn Hoàng A khai: Ngày 06/6/2017, Hoàng A đến nhà của Nguyễn Văn T, có mang theo số tiền 1.500.000 đồng. Hoàng A lấy ra 100.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc, còn lại 1.400.000 đồng để trong bóp mục đích đóng tiền điện, Hoàng A tham gia đặt tụ được 07 ván, mỗi ván đặt từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, kết quả Hoàng A ăn được 200.000 đồng. Đến ván bài thứ 08, Hoàng A đặt 100.000 đồng, khi đang chia bài chưa thắng thua thì bị Công an bắt quả tang và tạm giữ trên người của Hoàng A số tiền 1.400.000 đồng.

- Nguyễn Thị Thùy A khai: Ngày 06/6/2017, Thùy A đến nhà của Nguyễn Văn T, có mang theo 400.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc, Thùy A tham gia đặt tụ 02 ván bài, ván thứ nhất đặt 200.000 đồng kết quả thua, ván thứ 02 đặt 200.000 đồng,

khi đang chia bài chưa thắng thua thì bị Công an bắt quả tang và tạm giữ trên người Nguyễn Thị Thùy A là 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại 1280.

- Mai Thanh L khai: Ngày 06/6/2017, L đến nhà của Nguyễn Văn T, có mang theo 400.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc, L tham gia tất cả 04 ván bài, đặt mỗi ván 100.000 đồng, 03 ván đầu, mỗi ván đặt 100.000 đồng, thua hết 300.000 đồng, đến ván thứ 04 đặt 100.000 đồng, khi đang chia bài chưa thắng thua thì bị Công an bắt quả tang và tạm giữ trên người L là 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh đỏ, sim số 0123 707 7779.

- Đoàn Thị M khai: Ngày 06/6/2017, M đến nhà của Nguyễn Văn T, có mang theo số tiền 200.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc, M tham gia đặt tụ tất cả 07 ván, mỗi ván đặt 50.000 đồng, kết quả có ăn có thua còn lại 50.000 đồng. Đến ván thứ tám, M tham gia đặt 50.000 đồng, khi đang chia bài chưa thắng thua thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ 01 điện thoại Nokia.

- Trần Trung D khai: Ngày 06/6/2017, D đến nhà Nguyễn Văn T, có mang theo số tiền 2.300.000 đồng. D lấy ra 300.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, còn 2.000.000 đồng, D cất trong túi phía sau quần để sử dụng mua thuốc cho ba D bị bệnh. D tham gia đặt khoảng 20 ván, thắng được khoảng 300.000 đồng đến 400.000 đồng. Sau đó D và Y (chưa rõ nhân thân và địa chỉ) hùn làm cái 05 ván, thắng được 700.000 đồng. Đến G và H1 làm cái thì D nghỉ không chơi. Sau đó vào đặt một ván bài 100.000 đồng, đang chia bài chưa thắng thua thì bị Công an bắt quả tang và tạm giữ của D 700.000 đồng tiền thắng bài và 2.000.000 đồng trong túi sau quần.

- Trần Thị Mỹ N khai: Ngày 06/6/2017, N đến nhà Nguyễn Văn T, mang theo số tiền 50.000 đồng. N tham gia đặt 02 ván bài, ván thứ nhất đặt 50.000 đồng, chưa phân kết quả vì phải chia lại bài. Đến ván thứ hai N tiếp tục đặt 50.000 đồng, khi G và H1 đang làm cái chia bài chưa thắng thua thì bị Công an bắt quả tang và tạm giữ trên người N 01 điện thoại Oppo Neo 7.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đức Hòa đã thu giữ các vật chứng vụ án, bao gồm: Số tiền trên chiếu bạc 9.180.000 đồng; 06 bộ bài tây loại 52 lá; 01 tấm chiếu, kích thước 02m x 03m; số tiền thu giữ trên người các con bạc là 12.022.000 đồng và 15 điện thoại di động các loại. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đức Hòa đã xử lý một số vật chứng theo quyết định xử lý vật chứng số 60 ngày 20/7/2017 và các biên bản về việc trả lại tài sản (từ bút lục 403 đến bút lục 415).

Còn lại các vật chứng chưa được Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đức Hòa xử lý bao gồm:

+ Số tiền trên chiếu bạc 9.180.000 đồng;

+ Số tiền thu giữ trên người các con bạc là 12.022.000 đồng;

+ 06 bộ bài tây loại 52 lá;

+ 01 tấm chiếu, kích thước 02m x 03m;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i, màu xanh, trắng, thu giữ của anh Nguyễn Công T;

+ 01 điện thoại di động hiệu Xphone X11 màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu Oppo R1001 màu trắng thu giữ của anh Đoàn Long H.

Hành vi của Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D, Trần Thị Mỹ N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự.

Bản cáo trạng số 112/QĐ-KSĐT ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An đã truy tố các bị cáo như sau:

- Truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, về tội gá bạc, theo quy định tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

- Truy tố các bị cáo: Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D, Trần Thị Mỹ N, về tội đánh bạc, theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt vì mới phạm tội lần đầu.

Bị cáo Nguyễn Văn T nêu ý kiến đề nghị được nhận lại số tiền 5.500.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đức Hòa thu giữ.

Bị cáo Nguyễn Thị H nêu ý kiến đề nghị được nhận lại số tiền 1.000.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đức Hòa thu giữ.

Bị cáo Nguyễn Hoàng A nêu ý kiến đề nghị được nhận lại số tiền 1.400.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đức Hòa thu giữ.

Bị cáo Trần Trung D nêu ý kiến đề nghị được nhận lại số tiền 2.000.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đức Hòa thu giữ.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên Tòa sau khi công bố bản cáo trạng, qua xét hỏi công khai tại phiên Tòa, đã thay đổi một phần nội dung quyết định truy tố là: Chuyển truy tố bị cáo Nguyễn Văn T từ tội gá bạc theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự sang tội nhẹ hơn là tội đánh bạc theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đã phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà các bị cáo gây ra; Đồng thời căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như:

- Về nhân thân: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Một số bị cáo nữ thì có con nhỏ, đông con, chồng bệnh tật.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thuộc trường hợp "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*", các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã "*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*". Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Đoàn Thị M có bà nội là Mẹ Việt Nam anh hùng và 03 chú ruột là liệt sỹ; bị cáo Trần Trung D có cha được tặng Huân chương kháng chiến Hạng ba, có mẹ được tặng Huy chương kháng chiến Hạng nhất; bị cáo Trần Thị Mỹ N có bác ruột là liệt sỹ. Đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Từ những tình tiết đó, thấy rằng không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về tội phạm và hình phạt như sau:

- Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D và Trần Thị Mỹ N phạm tội đánh bạc.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** mức hình phạt tiền từ 10 triệu đến 15 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu G** mức hình phạt tiền từ 10 triệu đến 15 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** mức hình phạt tiền từ 10 triệu đến 15 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng A** mức hình phạt tiền từ 10 triệu đến 15 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Mai Thanh L** mức hình phạt tiền từ 05 triệu đến 10 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đoàn Thị M** mức hình phạt tiền từ 05 triệu đến 10 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H1** mức hình phạt tiền từ 05 triệu đến 10 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thùy A** mức hình phạt tiền từ 05 triệu đến 10 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Trung D** mức hình phạt tiền từ 05 triệu đến 10 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thị Mỹ N** mức hình phạt tiền từ 05 triệu đến 10 triệu đồng.

Về tang vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 06 bộ bài tây, loại bài tây 52 lá và 01 tấm chiếu kích thước 02m x 03m. Các vật chứng này hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/9/2017.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc bao gồm: 9.180.000đ thu giữ trên chiếu bạc và 2.122.000đ thu giữ trong người các bị cáo, có mục đích dùng để đánh bạc. Tổng cộng là 11.302.000đ. Số tiền này đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý theo biên lai thu số 02839 ngày 13/9/2017.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 5.500.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc, được khấu trừ vào số tiền bị cáo T bị phạt; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 1.000.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc, được khấu trừ vào số tiền bị cáo H bị phạt; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng A số tiền 1.400.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc, được khấu trừ vào số tiền bị cáo Hoàng A bị phạt; Trả lại cho bị cáo Trần Trung D số tiền 2.000.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc, được khấu trừ vào số tiền bị cáo D bị phạt. Số tiền này đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý theo biên lai thu số 02839 ngày 13/9/2017.

- Hoàn trả lại cho: anh Nguyễn Công T 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại 1110i, màu xanh, trắng; anh Đoàn Long H 01 điện thoại di động hiệu Xphone X11 màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu Oppo R1001 màu trắng. Các tài sản này hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/9/2017.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D, Trần Thị Mỹ N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Nguyễn Văn T xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo về tội gá bạc, sau đó chuyển tội danh sang tội đánh bạc với vai trò đồng phạm là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D, Trần Thị Mỹ N thống nhất xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội đánh bạc là đúng người, đúng tội, không oan.

Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận vào ngày 06/6/2017 đã có hành vi cho các đối tượng mượn nhà của mình để đánh bài cào ăn thua bằng tiền, để thu tiền xâu. Số tiền bị cáo T thu được là 300.000đ. Số con bạc tham gia đánh bạc tại nhà của T vào chiều ngày 06/6/2017 có tổng cộng là 12 người. Tuy nhiên, tại thời điểm bị bắt quả tang thì chỉ có 09 con bạc đang tham gia đánh bạc, 03 con bạc còn lại đã nghỉ tham gia đánh bạc từ trước đó. Do đó, đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, được hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 Bộ luật Hình sự thì hành vi của bị cáo T chưa đến mức để truy tố về tội gá bạc. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 Bộ luật Hình sự thì hành vi của bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm

tội đánh bạc. Trước Tòa, bị cáo T đã khai nhận tội, lời khai này phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 06/6/2017, phù hợp lời khai của những người làm chứng, phù hợp tang vật chứng thu giữ, phù hợp với các lời khai khác của bị cáo thể hiện trong hồ sơ, đã được thẩm tra xác minh công khai tại phiên Tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Đánh bạc" với vai trò đồng phạm, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên Tòa thay đổi một phần nội dung quyết định truy tố là chuyển truy tố bị cáo Nguyễn Văn T từ tội gá bạc theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự sang tội nhẹ hơn là tội đánh bạc theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định của pháp luật và có lợi cho bị cáo T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D và Trần Thị Mỹ N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Lời khai nhận tội của từng bị cáo về hành vi phạm tội đều phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 06/6/2017, phù hợp lời khai của những người làm chứng, phù hợp tang vật chứng thu giữ, phù hợp với các lời khai khác của các bị cáo thể hiện trong hồ sơ, đã được thẩm tra xác minh công khai tại phiên Tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D và Trần Thị Mỹ N phạm tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 112/QĐ-KSĐT ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D và Trần Thị Mỹ N về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự quy định*: "Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm".*

Hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trật tự an toàn công cộng được Nhà nước bảo vệ, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý bằng pháp luật Hình sự với mức án nghiêm là điều cần thiết, phù hợp với công tác đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm về xâm phạm trật tự công cộng hiện nay. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến chính sách hình sự của Nhà nước đối với loại tội phạm xâm phạm trật tự an toàn công cộng hiện nay, xem xét đầy đủ toàn diện các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Để đảm bảo đạt mục đích của hình phạt là không chỉ nhằm trừng trị các bị cáo mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới, giáo dục họ tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Xét tính chất và hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với bị cáo T: Xuất phát từ việc tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động một cách hợp pháp nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Chính việc bị cáo T đồng ý sử dụng nhà của mình cho các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc trái phép để lấy tiền xâu, dẫn đến có nhiều bị cáo khác bị xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc trái phép. Tuy nhiên, số tiền bị cáo T thu lợi bất chính là không lớn, chỉ là 300.000đ và cũng đã bị thu hồi.

- Đối với các bị cáo còn lại là Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D và Trần Thị Mỹ N cũng xuất phát từ bản tính tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động hợp pháp nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc hoặc mang theo nhằm mục đích để đánh bạc cũng không lớn *(bị cáo G là 2.600.000đ, bị cáo H là 1.000.000đ, bị cáo H1 là 800.000đ, bị cáo Hoàng A là 100.000đ, bị cáo Thùy A là 400.000đ, bị cáo L là 400.000đ, bị cáo M là 200.000đ, bị cáo D là 300.000đ, bị cáo N là 50.000đ)*.

Xét về nhân thân của các bị cáo: Tất cả các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án hay tiền sự. Các bị cáo nữ đều đông con, một số thì con còn nhỏ, chồng bệnh tật. Bên cạnh đó, bị cáo Trần Trung D đang là sinh viên theo học tại Trường Đại học N; Bị cáo Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị Thùy A và Trần Thị Mỹ N đang làm công nhân.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng:

+ Về tình tiết tăng nặng: Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Tất cả các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h *(phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng)*, điểm p *(Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải)* khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo Đoàn Thị M có bà nội là Mẹ Việt Nam anh hùng và 03 chú ruột là liệt sỹ; bị cáo Trần Trung D có cha được tặng Huân chương kháng chiến Hạng ba, có mẹ được tặng Huy chương kháng chiến Hạng nhất; bị cáo Trần Thị Mỹ N có bác ruột là liệt sỹ. Đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy chỉ cần xử phạt các bị cáo hình phạt tiền cũng đủ để giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới, giáo dục họ tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo tại phiên Tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý tang vật chứng: Đề nghị xử lý tang vật chứng của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các tài sản mà Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đức Hòa thu giữ và đã xử lý theo quyết định xử lý vật chứng số 60 ngày 20/7/2017 và các biên bản về việc trả lại tài sản (từ bút lục 403 đến bút lục 415). Không ai có ý kiến, yêu cầu gì đối với các tài sản này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mức án phí mỗi bị cáo phải nộp là 200.000đ, sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D và Trần Thị Mỹ N phạm tội đánh bạc.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** mức hình phạt tiền là 10 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu G** mức hình phạt tiền là 10 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** mức hình phạt tiền là 10 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng A** mức hình phạt tiền là 10 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Mai Thanh L** mức hình phạt tiền là 05 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đoàn Thị M** mức hình phạt tiền là 05 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H1** mức hình phạt tiền là 10 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thùy A** mức hình phạt tiền là 05 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Trung D** mức hình phạt tiền là 05 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 30 và Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thị Mỹ N** mức hình phạt tiền là 05 triệu đồng.

- Về tang vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 06 bộ bài tây, loại bài tây 52 lá và 01 tấm chiếu kích thước 02m x 03m. Các vật chứng này hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/9/2017.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc bao gồm: 9.180.000đ thu giữ trên chiếu bạc và 2.122.000đ thu giữ trong người các bị cáo, có mục đích dùng để đánh bạc. Tổng cộng là 11.302.000đ. Khoản tiền phải tịch thu sông công quỹ Nhà nước này nằm trong số tiền 21.202.000đ đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý theo biên lai thu số 02839 ngày 13/9/2017.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 5.500.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 1.000.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng A số tiền 1.400.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc; Trả lại cho bị cáo Trần Trung D số tiền 2.000.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Các khoản tiền phải hoàn trả này nằm trong số tiền 21.202.000đ đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý theo biên lai thu số 02839 ngày 13/9/2017 và được khấu trừ vào khoản hình phạt tiền của bị cáo T, bị cáo H, bị cáo Hoàng A và bị cáo D trong giai đoạn thi hành án.

+ Hoàn trả lại cho: Anh Nguyễn Công T 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại 1110i, màu xanh, trắng; Anh Đoàn Long H 01 điện thoại di động hiệu Xphone X11 màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu Oppo R1001 màu trắng. Các tài sản này hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/9/2017.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 6, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hoàng A, Mai Thanh L, Đoàn Thị M, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thùy A, Trần Trung D và Trần Thị Mỹ N mỗi người nộp 200.000đ án phí, sung vào công quỹ Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Công T, anh Đoàn Long H được quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh T, anh H trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu HS, AV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Khánh